TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **32**/2020/DS-ST
Ngày: 31-8-2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bàng

2. Ông Bùi Minh Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST- DS ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp về Hợp đồng dân sự góp hụi và vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Út E, sinh năm 1964 (có mặt);

2. Bị đơn: - Ông Hà Văn Q, sinh năm 1971 (vắng mặt);

- Bà Trần Thị G, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp TX, xã Đ, huyện AB, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 24/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Út E trình bày và yêu cầu như sau*:

Bà làm chủ hụi ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G tham gia góp hụi và vay

tài sản như sau:

Vào ngày 15/10/2018 âl, bà có mở dây hụi loại 2.000.000 đồng, hàng tháng mở 01 lần vào ngày 15, gồm có 28 phần, ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G tham gia góp 03 phần, góp đến lần thứ 03 thì lĩnh 02 phần hụi, còn 01 phần hụi sống, góp hụi đến lần thứ 13 thì (đến ngày 10/11/2019) bỏ đi không góp nữa, nợ bà 02 phần hụi chết đến mãn hụi là 60.000.000 đồng, đến nay (ngày 28/4/2020 âl) đã mở 07 lần với số tiền là 28.000.000 đồng (07 lần x 2.000.000 đồng x 02 phần), 01 phần hụi sống 13 góp với số tiền 26.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G trả cho bà số tiền hụi mở đến ngày 28/4/2020 âl là 28.000.000 đồng, còn lại 08 lần chưa mở hụi với số tiền 32.000.000 đồng (08 lần x 2.000.000 đồng x 02 phần) bà chưa khởi kiện.

Vào ngày 17/11/2018 âl, bà có cho ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G vay 20.000.000 đồng, đến nay không trả cho bà vốn lãi đồng nào. Nay bà yêu cầu ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Việc bà tổ chức góp hụi, ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G tham gia góp có bà Dương Thị L, ông Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Thị L1 và ông Nguyễn Văn T, cùng địa chỉ: ấp TX, xã Đ, huyện AB, Kiên Giang biết. Anh Nguyễn Văn X, địa chỉ: ấp TX, xã Đ, huyện AB, Kiên Giang biết bà cho ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G vay tài sản.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2020, người làm chứng anh Nguyễn Văn X trình bày như sau*:

Nay anh không nhớ rõ ngày tháng, vào năm 2018 ông Hà Văn Q có đến hỏi anh vay tiền, khi đó anh không cho ông Q vay, cùng thời gian này bà Phạm Thị Út E cũng đến vay anh số tiền 20.000.000 đồng cho ông Q vay, sau này anh mới biết được, khi bà Phạm Thị Út E đóng tiền lãi cho anh thì bà Phạm Thị Út E nói lại số tiền vay của anh bà Út E cho ông Q vay lại, anh và bà Út E, ông Q ở cùng địa phương, thường qua lại và biết rất rõ việc này, còn việc ông Q, bà G, ông H và bà M tham gia góp hụi như thế nào thì anh không biết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2020, người làm chứng anh Nguyễn Văn T trình bày như sau*:

Anh có tham gia góp hụi do bà Phạm Thị Út E làm chủ, dây hụi mở ngày 15/10/2018 âm lịch, ngày 15 hàng tháng mở hụi, ông Q và bà G tham gia góp 03 phần, lĩnh 02 phần, còn 01 phần hụi sống góp được 13 lần, ông Q và bà G bỏ địa phương đi đến nay không góp hụi nữa. Đồng thời, trong dây hụi này ông H và bà

M cũng tham gia góp 01 phần, sau khi lĩnh hụi thì ông H và bà M cũng không góp hụi chết, từ đó đến nay bà Út E góp thay khoảng 06 lần nữa mãn hụi, do bà Út E trực tiếp góp hụi nên việc ông Q, bà G, ông H và bà M không góp hụi thì chỉ có bà Út E mới biết là không góp bao nhiêu lần, anh chỉ biết là không góp hụi chứ không biết cụ thể chưa góp bao nhiêu lần. Việc ông Q, bà G, ông H và bà M có vay tiền của bà Út E không thì anh không biết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2020, người làm chứng bà Mạc Thị B (Đ) trình bày như sau*:

Vào ngày 15/10/2018 âm lịch, bà có tham gia góp hụi do bà Phạm Thị Út E làm chủ, loại hụi 2.000.000 đồng, ông Q và bà Gtham gia góp 03 phần, lĩnh 02 phần, ông H và bà M tham gia góp 01 phần, phần hụi nay ông H kêu ghi tên trong danh sách tên D là tên con ông H và bà M, sau đó ông Q, bà G, ông H và bà M bỏ địa phương đi không góp hụi thì bà Phạm Thị Út E khởi kiện yêu cầu trả tiền hụi và tiền vay. Việc ông Q, bà G, ông H và bà M vay tiền của bà Út E thì bà không biết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2020, người làm chứng bà Dương Thị L trình bày như sau*:

Bà có tham gia góp hụi do bà Phạm Thị Út E làm chủ, bà biết được dây hụi ngày 15/10/2018 âm lịch, ông Q và bà G tham gia góp 03 phần loại hụi 2.000.000 đồng, dây hụi này còn 06 lần nữa mãn, ông Q và bà G đã lĩnh 02 phần, còn 01 phần sống sau đó ông Q và bà G bỏ địa phương đi làm thuê không góp hụi nữa bà Út E góp thay đến nay. Bà có nghe bà Út E nói có cho ông Q và bà G vay tiền nhưng bà không chứng kiến trực tiếp nên bà không biết và không nhớ rõ số tiền bao nhiêu. Bà cũng biết trong dây hụi nói trên ông H và bà M có tham gia góp 01 phần, ông H kêu ghi tên trong danh sách hụi tên D là tên con ông H và bà M nhưng người tham gia góp là vợ chồng ông H và bà M, khi góp hụi ông H còn giành lĩnh trước và cãi nhau với hụi viên khác.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/7/2020, người làm chứng bà Huỳnh Thị L1 trình bày như sau*:

Vào ngày 15/10/2018 âm lịch, bà có tham gia góp hụi do bà Phạm Thị Út E làm chủ, loại hụi 2.000.000 đồng, gồm có 28 phần, khi đó ông Q và bà G tham gia góp 03 phần, ông H và bà M tham gia góp 01 phần, sau khi ông Q, bà G, ông H và bà M bỏ địa phương đi không góp hụi thì bà Phạm Thị Út E khởi kiện, dây hụi này còn 07 lần thì mãn. Bà cũng có nghe bà Út E nói cho ông Q, bà G, ông H

và bà M vay tiền và có ghi biên nhận nhưng bà không trực tiếp chứng kiến nên không biết cụ thể.

* *Bị đơn ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G biết để ông Q và bà G có ý kiến về việc bà Phạm Thị Út E yêu cầu ông Q và bà G trả tiền hụi và tiền vay còn nợ nhưng ông Q và bà G không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình nên Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

* *Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Giấy chứng minh nhân dân Phạm Thị Út E và sổ hộ khẩu, Đơn xin xác nhận tình trạng nơi cư trú của đương sự ngày 23/12/2019, Giấy ủy quyền ngày 31/01/2020, Danh sách hụi viên ngày 15/10/2018 âl, Tờ giấy ghi tiền hụi, Giấy hỏi tiền của Hà Văn Q ngày 17/11/2018, Tờ giấy ghi những người làm chứng, Biên bản lấy lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Văn X, anh Nguyễn Văn T, bà Mạc Thị B (Đ), bà Dương Thị L, bà Huỳnh Thị L1 ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

* *Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Út E yêu cầu ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G trả số tiền hụi mở đến ngày 28/4/2020 âm lịch là 28.000.000 đồng và số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng. Còn lại 08 lần chưa mở hụi với số tiền 32.000.000 đồng bà rút lại yêu cầu khởi kiện, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu tập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 238, 239 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét khởi kiện của bà Phạm Thị Út E yêu cầu ông Q và bà G trả 28.000.000 đồng tiền hụi mở đến ngày 28/4/2020 âm lịch và 20.000.000 đồng tiền vay vốn là có căn cứ chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phần bà Phạm Thị Út E rút lại yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Phạm Thị Út E yêu cầu bị đơn ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G trả tiền vay và tiền hụi còn nợ, nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại: ấp TX, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cho nên được xác định đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G biết và ấn định thời gian để ông Q và bà G có ý kiến về việc bà Út E khởi kiện đối với ông Q và bà G trả tiền hụi và tiền vay nhưng ông Q và bà G không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông Q và bà G vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Q và bà G nhưng ông Q và bà G vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai bà Út E không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Q và bà G theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Xét về hợp đồng góp hụi và vay tài sản giữa bà Phạm Thị Út E và ông Hà Văn Q, bà Trần Thị G được xác lập bằng lời nói, khi đó bà Út E lập danh sách những người tham gia góp hụi là phù hợp theo quy định

tại Điều 471 Bộ luật dân sự và Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số: 144/ 2006/NĐ- CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 và Điều 27 của Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường và ngày 17/11/2018 âm lịch, bà Út E có cho ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G vay tiền, ông Q có ghi giấy hỏi tiền, ghi rõ số tiền vay, thỏa thuận trả lãi hàng tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự.

Xét khởi kiện của bà Út E yêu cầu ông Q và bà G trả cho bà tiền hụi chưa góp đến ngày 28/4/2020 âm lịch là 28.000.000 đồng và trả tiền vay là 20.000.000 đồng vốn gốc. Hội đồng xét xử thấy rằng, bà Út E khởi kiện yêu cầu ông Q và bà G trả tiền hụi chưa góp và tiền vay vốn gốc còn nợ là phù hợp với lời khai của những người làm chứng anh Nguyễn Văn X, anh Nguyễn Văn T, bà Mạc Thị B (Đ), bà Dương Thị L, bà Huỳnh Thị L1 và giấy hỏi tiền ngày 17-11/2018 của ông Hà Văn Q (Bút lục số: 42 và từ bút lục số: 49 đến 53), có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bà Út E khởi kiện yêu cầu ông Q và bà G trả tiền hụi và tiền vay nhưng từ khi thụ lý vụ án giải quyết đến nay ông Q và bà G không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Út E là có thật và thuộc trường hợp ông Q và bà G thừa nhận hoặc không phản đối yêu cầu của bà Út E đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của bà Út E. Buộc ông Hà Văn Q, bà Trần Thị G phải có nghĩa vụ trả cho bá Phạm Thị Út E 48.000.000 đồng tiền hụi chưa góp và tiền vay vốn gốc. Trong đó: 28.000.000 đồng tiền hụi chưa góp và 20.000.000 đồng tiền vay vốn gốc còn nợ theo quy định tại Điều 466, khoản 2 Điều 469 và Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Đối với số tiền hụi từ ngày 28/4/2020 âm lịch đến khi mãn hụi chưa mở hụi với số tiền là 32.000.000 đồng, bà Phạm Thị Út E rút lại yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu khởi kiện theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 206, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, điểm a khoản 1 Điều 238, Điều 241, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 và Điều 471 của Bộ luật dân sự và Điều 27 của Nghị định số: 19/2019/ NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính Phủ về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Út E tiền hụi chưa góp và tiền vay vốn gốc là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng). Trong đó: 28.000.000 đồng tiền hụi chưa góp và 20.000.000 đồng tiền vay vốn gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ xét xử phần bà Phạm Thị Út E rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi từ ngày 28/4/2020 âm lịch đến khi mãn hụi với số tiền là 32.000.000 đồng chưa đến ngày mở hụi.

3. Về án phí: Buộc ông Hà Văn Q và bà Trần Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.400.000 đồng (48.000.000 đồng x 5%).

Bà Phạm Thị Út E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Phạm Thị Út E tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008477 ngày 24/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án 31/8/2020. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- CC THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA (Sang).

Trần Văn Thảo